TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- T do- H2nh phúc**

Bản án số: 123/2024/HS-ST
Ngày: 30 - 12 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2024/QĐST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Hữu T, sinh năm 1980 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 1, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Hữu Kh và bà Nguyễn Thị T1 (Th); có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Ngày 21/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đ Phượng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Đánh bạc". Ngày 31/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án 76/2020/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 17 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2023, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 349 của Công an huyện Đ Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thế T2, sinh năm 1984 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 2, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; danh bản,

chỉ bản số 348 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Quý H, sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 8, xã Hạ M, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quý H1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 29/7/2022 bị Công an huyện xử phạt hành chính phạt 400.000 đồng về hành vi "Vô ý gây thương tích" đã nộp phạt ngày 02/8/2022; danh bản, chỉ bản số 357 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 28/10/2024; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/10/2024 đến ngày 27/10/2024 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1984 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 1, xã Thượng M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động T do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Ngh (đã chết) và bà Hoàng Thị X; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10/3/2024, Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích"; danh bản, chỉ bản số 353 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

5. Giang Văn M, sinh năm 1979 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 9, xã Hồng H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Văn Nh (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 346 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Khắc T3, sinh năm 1985 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 2, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T4 (đã chết) và bà Bùi Thị T5; có vợ và 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/6/2018, bị Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc"; nhân thân: Ngày 30/7/2018, bị Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc"; danh bản, chỉ bản số 350 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

7. Lê Hoàng Đ, sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 5, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nh1 và bà Trần Thị L2; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày

13/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"; danh bản, chỉ bản số 351 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

8. Lê Hữu S, sinh năm 1969 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 4, xã H2 Mỗ, huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu S1 và bà Bùi Thị B2; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/4/2016, bị Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc"; danh bản, chỉ bản số 352 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

9. Nguyễn Văn L3, sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: Tổ 14, xã Hồng Th, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động T do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L4 (đã chết) và bà Lê Thị H3; có vợ và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 354 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2024, tạm giam ngày 22/10/2024 đến nay; có mặt.

10. Bùi Văn M, sinh năm 1987 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 2, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Ph , thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K4 và bà Nguyễn Thị Ph1; có vợ và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 372 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 06/11/2024; tạm giữ, tạm giam: Không, hiện Đg bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11.Lê Văn B5, sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Cụm 5, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Th3 (đã chết) và bà Trần Thị Th4; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 347 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 22/10/2024; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2024 đến ngày 22/10/2024 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 13/10/2024, Nguyễn Thế T2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, lắp sim số 0368917587 gọi điện thoại rủ 05 đối tượng gồm: Đinh Hữu T, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3 và Giang Văn

M đến nhà T2 để đánh bạc được thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý.T3 và M là những người đến nhà T2 đầu tiên, tiếp sau đó có Lê Hữu S, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M cũng đến nhà T2 với mục đích để đánh bạc. Sau khi đã đủ 05 người, cả nhóm đi lên phòng ngủ ở tầng 02 của nhà T2 để đánh bạc ở dưới sàn nhà; T2 chuẩn bị 02 bộ bài Tú lơ khơ để choT3, S, M, L3 và M đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức chơi Liêng. Tất cả cùng thống nhất với cách thức chơi khấu cửa 50.000 đồng, mỗi ván chơi đặt cược tối thiểu là 50.000 đồng; người nào có 03 lá bài giống nhau gọi là Sáp, thì ngoài số tiền đã đặt cược những người còn lại phải trả thêm 150.000 đồng cho người thắng; người nào có 03 lá bài liên tiếp về mặt giá trị gọi là Liêng, thì ngoài số tiền đã đặt cược những người còn lại phải trả thêm 50.000 đồng cho người thắng. T2 quy định, nếu bài của người chơi là Liêng đồng hoa thì p H bỏ ra 50.000 đồng; bài là Sáp thì p H bỏ ra 100.000 đồng; bài là Sáp ba cây Át thì p H bỏ ra 200.000 đồng cho T2 và được đặt cạnh chiếu bạc, gọi là tiền Hồ phế. Ngoài ra, T2 còn thu của mỗi người chơi là 50.000 đồng tiền hồ phế và để cạnh chiếu bạc. Trong khi T3, S, M, L3 và M Đg đánh bạc thì Nguyễn Ngọc H2 đến nhà T2 và cùng ngồi tham gia đánh bạc. Cả 06 đối tượng ngồi đánh bạc với nhau được khoảng 30 phút thì M thua hết tiền nên đứng dậy, bỏ đi về trước. Cả nhóm ngồi chơi thêm một lúc nữa thì có Đinh Hữu T, Lê Hoàng Đ vàLê Văn B5 đến nhà T2. T và Đ cùng ngồi tham gia đánh bạc vớiT3, S, M, L3; còn Bền ngồi cạnh Đ xem đánh bạc và đánh bạc hộ Đ. Ngồi chơi thêm một lúc nữa thì Giang Văn M lên giường ngồi phía sau H2, góp chung tiền với H2 để cùng đánh bạc. Nguyễn Khắc T3 và Nguyễn Văn L3 ngồi đánh bạc đến khoảng gần 17 giờ cùng ngày, do thua nên cả hai không chơi nữa và ngồi xem các đối tượng còn lại đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T2 là người đi mua nước uống và thuốc lá cho các đối tượng đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi Đinh Hữu T, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2 và Lê Hữu S đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan gồm: Thu giữ dưới chiếu bạc số tiền 2.435.000 đồng (xác định có 1.085.000 đồng là tiền hồ phế và số tiền khoảng 1.000.000 đồng của Nguyễn Khắc T3 ném vào vị trí để tiền hồ phế khi bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ); 02 bộ bài Tú lơ khơ (mỗi bộ 52 quân).

Thu giữ tại vị trí trước mặt Đinh Hữu T ngồi số tiền 100.000 đồng, thu giữ trong người T số tiền 4.075.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xám đã qua sử dụng, số imei 353175861937996.

Thu giữ trong người của Lê Hoàng Đ số tiền là 120.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, số imei 359183074470767.

Thu giữ tại vị trí trước mặt Nguyễn Ngọc H2 số tiền 100.000 đồng, thu giữ trong người H2 số tiền 2.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, số imei 356111099556073.

Thu giữ tại vị trí trước mặt Lê Hữu S số tiền 150.000 đồng, thu giữ trong người S số tiền 2.250.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng, số imei1: 862878051171078.

Thu giữ tại vị trí trước mặt Giang Văn M số tiền 2.000.000 đồng.

Thu giữ của các bị cáo: Nguyễn Thế T2 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A57, màu đen đã qua sử dụng, số sim 0368917587 (xác định là điện thoại T2 sử dụng để gọi các đối tượng đến nhà đánh bạc); Nguyễn Khắc T3 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen đã qua sử dụng, số imei1 355228083111391; Giang Văn M 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng đồng đã qua sử dụng, số imei1: 864267043152578; Nguyễn Văn L3 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, số imei1 350165823313512;Lê Văn B5 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu bạc đã qua sử dụng, số imei 353891109754387.

Quá trình điều tra đã xác định: Đinh Hữu T mang theo số tiền khoảng 5.000.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt T Đg thua, số tiền để dưới chiếu bạc là 100.000 đồng và số tiền cất trong người là 4.075.000 đồng. Lê Hoàng Đ mang theo số tiền 750.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Đ Đg thua, trước mặt Đ lúc này không có tiền và số tiền cất trong người là 120.000 đồng. Nguyễn Ngọc H2 mang theo số tiền khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H2 Đg thắng, số tiền để dưới chiếu bạc để số tiền 100.000 đồng và số tiền cất trong người là 2.200.000 đồng. Nguyễn Khắc T3 mang theo số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắtT3 Đg thua, trong ngườiT3 lúc này còn khoảng 1.000.000 đồng vàT3 đã ném số tiền trên vào vị trí để tiền hồ phế. Lê Hữu S mang theo số tiền 800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt S Đg thắng, số tiền để dưới chiếu bạc là 150.000 đồng và số tiền cất trong người là 2.250.000 đồng. Giang Văn M mang theo số tiền 2.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thì M Đg thua và để trong người M số tiền là 2.000.000 đồng. Nguyễn Văn L3 mang theo số tiền 800.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt L3 đã thua hết tiền. Bùi Văn M mang theo số tiền là 400.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết tiền nên M bỏ về trước.Lê Văn B5 khi đến nhà T2 thì Bền không mang tiền. Như vậy, xác định tổng số tiền Đinh Hữu T, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hữu S, Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M vàLê Văn B5 dùng để đánh bạc với nhau là 13.080.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ: Khoảng 16 giờ 54 phút cùng ngày, trong lúc ngồi xem các bị cáo khác đánh bạc, Nguyễn Thế T2 có nhắn tin mua số Lô với Nguyễn Quý H qua ứng dụng Zalo có tên hiển thị "Nguyễn Thế T2" với tài khoản zalo có tên hiển thị là "Nguyen Quy Hai" của Nguyễn Quý H để đánh bạc dưới hình thức mua số Lô, dựa trên kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày. Cụ thể: T2 đánh các số Lô: "Lô ab 39-50đ, Lo b 45-200đ, Lo b 000-02-20-21*20đ" (tức là số lô 30 a và b mỗi số 50 điểm; số lô b 45 là 200 điểm; số lô b 00, 02, 20, 21 mỗi số 20 điểm). H nhắn tin lại là "3" (tức là H xác nhận đồng ý bán 03 tin nhắn mua số lô trên); H bán số lô cho T2 với giá 21.800 đồng/1 điểm; nếu trúng thì H trả

80.000 đồng/1 điểm. Như vậy, tổng cộng 380 điểm Lô của H tương ứng với số tiền 8.284.000 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng); số Lô T2 mua thì H giữ lại để thanh toán thắng thua với T2 và không chuyển cho ai khác.

Ngày 21/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Phượng đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối Nguyễn Quý H để điều tra về hành vi "Đánh bạc". Cơ quan điều tra đã thu giữ của H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng đã qua sử dụng, số imei 356773087090421.

Bản cáo trạng số 123/CT- VKS - ĐP ngày 29 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đinh Hữu T về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hữu S, Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M và Lê Văn B5 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thế T2 thừa nhận hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đây là lần đầu phạm tội, bị cáo do bị điếc bẩm sinh nên đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Quý H khai nhận có bán số lô cho T2 như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Đinh Hữu T, Nguyễn Ngọc H2, Giang Văn M, Nguyễn Khắc T3, Lê Hoàng Đ, Lê Hữu S, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M,Lê Văn B5 khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Ngoài các bị cáo tham gia đánh bạc thì không có ai khác cùng tham gia đánh bạc tại nhà T2. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình vi phạm pháp luật nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Phượng tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đinh Hữu T về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Nguyễn Ngọc H2, Giang Văn M, Nguyễn Khắc T3, Lê Hoàng Đ, Lê Hữu S, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M vàLê Văn B5 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đinh Hữu T từ 36 đến 40 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T2 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Quý H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; bị cáo Lê Hoàng Đ, Lê Hữu S mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 từ 07 tháng đến 10 tháng tù; bị cáo Nguyễn Khắc T3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giang Văn M từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; bị cáo Nguyễn Văn L3 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn M từ 12 đến 15 tháng tù cải tạo không giam giữ; bị cáoLê Văn B5 từ 06 đến 09 tháng tù cải tạo không giam giữ.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 13.080.000 đồng do các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, bên trong lắp 01 sim của bị cáo Nguyễn Thế T2; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xám của bị cáo Đinh Hữu T; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 7 màu đen của bị cáo Lê Hoàng Đ; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen của bị cáo Nguyễn Ngọc H2; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen của bị cáo Nguyễn Khắc T3; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng đồng của bị cáo Giang Văn M; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng của bị cáo Nguyễn Quý H. Truy thu số tiền 8.284.000 bị cáo T2 dùng vào mục đích mua số lô với bị cáo H nhưng chưa thanh toán tiền. Trả lại các bị cáo Lê Hữu S 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu VIVO; Nguyễn Văn L3 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu xanh;Lê Văn B5 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu bạc; Nguyễn Quý H 01 thẻ Ngân hàng Teachcombank số 9704079957301280 và 01 thẻ Ngân hàng Teachcombank số 4220757505884669.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người T2 hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, vật chứng được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 11 giờ ngày 13/10/2024, tại nhà của Nguyễn Thế T2 ở cụm 2, xã H2 Mỗ, huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội, T2 là

người chuẩn bị 02 bộ bài Tú lơ khơ, mua nước uống và thuốc lá, thu tiền hồ phế của người chơi và theo ván bài của 09 bị cáo đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng gồm: Đinh Hữu T, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hữu S, Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M vàLê Văn B5 với tổng số tiền đánh bạc là 13.080.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/10/2024 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Phượng phát hiện, bắt quả tang vụ việc. Quá trình điều tra đã làm rõ, trong khoảng thời gian các bị cáo nêu trên đánh bạc thì Nguyễn Thế T2 có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô với Nguyễn Quý H với số tiền đánh bạc là 8.284.000 đồng.

Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế T2 là người chuẩn bị công cụ, phương tiện cho các bị cáo khác đánh bạc và thu hồ phế tại nhà ở thuộc quyền quản lý của mình với tổng số tiền đánh bạc là 13.080.000 đồng. Hành vi của T2 chưa đủ về quy mô và số người tham gia đánh bạc nên không cấu thành tội "Gá bạc" nhưng đã đồng phạm với các bị cáo khác về hành vi "Đánh bạc". Ngoài ra, cùng thời điểm đó thì T2 còn đánh bạc dưới hình thức mua số lô với Nguyễn Quý H số tiền 8.284.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Nguyễn Ngọc H2, Giang Văn M, Nguyễn Khắc T3, Lê Hoàng Đ, Lê Hữu S, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M vàLê Văn B5 đã cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đinh Hữu T đã bị Tòa án nhân dân dân huyện Đ Phượng hai lần xét xử về tội "Đánh bạc", trong thời gian chưa được xóa án tích lại tiếp tục có hành vi đánh bạc như trên nên phạm tội "Đánh bạc" thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Phượng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn trong bản cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý nghiêm, tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm phòng ngừa tội phạm nói chung và răn đe, giáo dục các bị cáo nói riêng.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, tuy nhiên cần phân hoá vai trò của từng bị cáo để cá thể hoá hình phạt: Bị cáo Đinh Hữu T có 02 tiền án về "Đánh bạc", chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội mới ở lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 4.175.000 đồng nên cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thế T2 là chủ nhà, điện thoại rủ các bị cáo đến nhà đánh bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho các bị cáo khác đánh bạc. Ngoài ra, T2 còn đánh bạc dưới hình thức mua số lô với bị cáo H nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo Nguyễn Quý H không tham gia đánh bạc ở nhà T2 nhưng H đánh bạc với T2 dưới hình thức bán số lô cho T2 số tiền 8.284.000 đồng. Nhân thân H đã từng bị xét xử về tội Cố ý gây tương

tích vào năm 2013 và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vô ý gây thương tích tháng 7/2022, đến thời điểm phạm tội bị cáo đã chấp hành xong thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H2 đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng; tháng 3/2024 đã bị xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích", đến thời điểm phạm tội thì bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo Nguyễn Khắc T3 đánh bạc với số tiền 1.200.000 đồng. Năm 2018 bị cáo hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc" nhưng T3 mới nộp phạt được 01 lần nên đến thời điểm phạm tội thì bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Lê Hoàng Đ tham gia đánh bạc với số tiền 750.000 đồng. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", đến thời điểm phạm tội bị cáo đã xóa án tích được 7 năm 02 tháng. Bị cáo Lê Hữu S tham gia đánh bạc với số tiền 800.000 đồng. Tháng 4/2016 bị xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc", đến thời điểm phạm tội được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Giang Văn M đánh bạc với số tiền 2.220.000 đồng, Nguyễn Văn L3 đánh bạc với số tiền 800.000 đồng, Bùi Văn M đánh bạc số tiền 400.000 đồng, Lê Văn B5 đánh bạc hộ bị cáo Đ. Các bị cáo này đến thời điểm phạm tội đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án và tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T2 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, H, Đ, H2,T3, S, M, L3, M và Bền không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M,Lê Văn B5 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thế T2, Lê Hữu S, Nguyễn Quý H, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hoàng Đ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra, bị cáo T2, H có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo S có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Lê Hữu S, Lê Hoàng Đ đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết p H cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật

hình sự cũng đủ để giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các bị cáo Bùi Văn M sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất, cònLê Văn B5 chỉ tham gia đánh bạc hộ Đ trong lúc Đ ra ngoài. Bị cáo M, Bền có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, điều luật còn quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 02 bộ bài Tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 13.080.000 đồng được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong lắp 01 sim của bị cáo Nguyễn Thế T2; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xám của bị cáo Đinh Hữu T; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 7 màu đen của bị cáo Lê Hoàng Đ; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen của bị cáo Nguyễn Ngọc H2; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen của bị cáo Nguyễn Khắc T3; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng đồng của bị cáo Giang Văn M, đây là điện thoại các bị cáo dùng liên lạc với nhau đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Quý H sử dụng để bán số lô với bị cáo T2 nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu VIVO của bị cáo Lê Hữu S, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu xanh của bị cáo Nguyễn Văn L3, 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu bạc của bị cáoLê Văn B5, do các bị cáo này không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo.

Số tiền 8.284.000 đồng bị cáo T2 dùng vào mục đích mua số lô với bị cáo H nhưng T2 chưa thanh toán nên cần truy thu, để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo p H chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Hữu T 03 (Ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/10/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T2 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả T do ngay tại phiên toà cho bị cáo, khi bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Thế T2 cho Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; bị cáo T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quý H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Giao bị cáo Nguyễn Quý H cho Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 08 (Tám) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/10/2024.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giang Văn M 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo, khi bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Giang Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi

hành án hình sự; bị cáo M cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T3 06 (Sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/10/2024.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng Đ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả T do ngay tại phiên toà cho bị cáo, khi bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lê Hoàng Đ cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; bị cáo Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu S 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả T do ngay tại phiên toà cho bị cáo, khi bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lê Hữu S cho Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ, huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; bị cáo S cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L3 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả T do ngay tại phiên toà cho bị cáo, khi bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L3 cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo L3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; bị cáo L3 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn M 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội

"Đánh bạc". Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ, huyện Đ Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáoLê Văn B5 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Bị cáo được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 13/10/2024 đến ngày 22/10/2024), bị cáo còn p H chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Văn B5 cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

12. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 13.080.000đ (Mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) (Theo ủy nhiệm chi giữa Công an huyện Đan Phượng và Kho bạc nhà nước huyện Đan Phượng).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T2 số tiền 8.284.000đ (Tám triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bộ tú lơ khơ (mỗi bộ có 52 quân bài).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A57, màu đen đã qua sử dụng, trên máy lắp 02 thẻ sim của bị cáo Nguyễn Thế T2; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xám đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim của bị cáo Đinh Hữu T; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim của bị cáo Lê Hoàng Đ; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim của bị cáo Nguyễn Ngọc H2; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim của bị cáo Nguyễn Khắc T3; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng đồng đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim của bị cáo Giang Văn M.

Trả lại cho các bị cáo: 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim cho Lê Hữu S; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim cho Nguyễn Văn L3; 01 (Một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu bạc đã qua sử dụng, trên máy lắp 01 thẻ sim choLê Văn B5; 01 (Một) thẻ Ngân hàng Teachcombank số 9704079957301280 chủ thẻ Nguyen Quy Hai và 01 (Một) thẻ

Ngân hàng Teachcombank số 4220757505884669 chủ thẻ Nguyen Quy Hai cho Nguyễn Quý H.

(Các vật chứng nêu trên ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đan Phượng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng ngày 30/12/2024)

13. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đinh Hữu T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hữu S, Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M,Lê Văn B5 mỗi bị cáo p H chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

14. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Đinh Hữu T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Quý H, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Khắc T3, Lê Hữu S, Giang Văn M, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn M vàLê Văn B5 có quyền kháng cáo bản án trong thời H2n 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ Phượng;
- CQTHAHS huyện Đ Phượng;
- CCTHADS huyện Đ Phượng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu